

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 630/2022/HNST ngày 26 tháng 10 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Đặng Thị Thu T, sinh năm 1993

Địa chỉ: 88/30/8/2C đường N, Phường 2, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 1113/62 đường H, Tổ 27A, Khu phố 3, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Thanh N, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh H.

Tạm trú: 7K Đường số 8, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đặng Thị Thu T và ông Trần Thanh N qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 02, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2015, do Ủy ban nhân dân Phường 02, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/01/2015).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 11 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Cả hai đã cùng nhau khắc phục nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà T và ông N sống ly thân gần 01 năm nay.

Hiện nay, bà Đặng Thị Thu T và ông Trần Thanh N xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Đặng Thị Thu T và ông Trần Thanh N cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Đặng Thị Thu T và ông Trần Thanh N xác nhận có 03 (ba) người con chung họ tên là:

- Trần Minh T (nữ), sinh ngày 03/12/2011
- Trần Trung H (nam), sinh ngày 20/03/2013
- Trần Lê Quốc T (nam), sinh ngày 29/01/2018

Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn, bà T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 03 (ba) con chung, ông N không cấp dưỡng nuôi 03 (ba) con chung.

[3] Về tài sản chung: Bà Đặng Thị Thu T và ông Trần Thanh N xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Bà Đặng Thị Thu T và ông Trần Thanh N xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Thu T và ông Trần Thanh N phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Thu T và ông Trần Thanh N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2015, do Ủy ban nhân dân Phường 02, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/01/2015).

1.2. Về con chung: Bà Đặng Thị Thu T và ông Trần Thanh N có 03 người con chung họ tên là:

- Trần Minh T (nữ), sinh ngày 03/12/2011
- Trần Trung H (nam), sinh ngày 20/03/2013
- Trần Lê Quốc T (nam), sinh ngày 29/01/2018

Bà Đặng Thị Thu T và ông Trần Thanh N thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn:

Bà Đặng Thị Thu T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 03 (ba) con chung là trẻ Trần Minh T (nữ), sinh ngày 03/12/2011, trẻ Trần Trung H (nam), sinh ngày 20/03/2013 và trẻ Trần Lê Quốc T (nam), sinh ngày 29/01/2018; ông Trần Thanh N không cấp dưỡng nuôi 03 (ba) con chung.

Ông Trần Thanh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông N.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Thu T và ông Trần Thanh N phải chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí việc dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu số AA/2021/0014968 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy bà T và ông N đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSNDQ.7, TPHCM;
- C/c THADS Q.7, TPHCM;
- C/q đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thúy).

**THẨM PHÁN**

**Trương Như Thủy**